

Số: **019354**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17442.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – VỊ CAM – VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 01/09/2020
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Streptococci faecal</i>	HD.PP.07.02/TT.VS [Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)]	< 1 CFU /mL	04/09/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16-09-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Th.s Phan Bích Hà



Số: 000696 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25686.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
2	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
3	<i>Escherichia coli</i>	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
4	<i>Clostridium perfringens</i>	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
7	<i>Streptococcus faecalis</i>	HD.PP.07.01/TT.VS (Ref. 3351/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019

Mã số mẫu: 25686.19

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

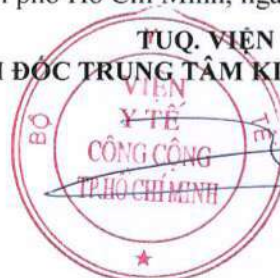
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000705 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25689.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **000704** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25690.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **000703** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25691.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**.....

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000702/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25692.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09-01-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **000701** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25693.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/12/2019
2	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/kg	13/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **000700** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25694.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	06/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000715 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25697.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	06/12/2019
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	06/12/2019
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/L	06/12/2019
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/L	13/12/2019
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	11/12/2019
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/L	06/12/2019
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/L	08/12/2019
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/L	08/12/2019
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	11/12/2019
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	11/12/2019
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019

Mã số mẫu: 25697.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	11/12/2019
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019

Ghi chú:

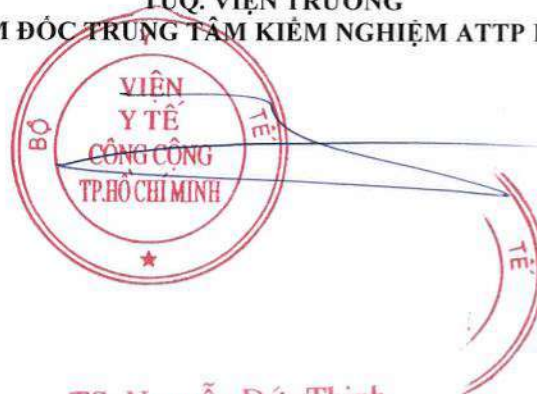
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh





Số: **000699**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25695.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	2-Phenylphenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
2	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	08/12/2019
3	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	08/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000714 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25696.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/12/2019
3	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
4	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	06/12/2019
5	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
6	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
7	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
8	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
9	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
10	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	08/12/2019
11	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/12/2019
12	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019

Mã số mẫu: 25696.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/12/2019
14	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
15	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
16	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
17	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
18	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
19	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	06/12/2019
20	Aldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
21	Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **000638** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25729.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ CAM - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-4
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh